

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG THINH INVESTMENT CONSTRUCTION AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DONG THINH INVEST.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108469534

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 36, Ngõ 37, đường Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0898991333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 4.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3600        |
| 5.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3700        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); Dịch vụ quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm: Chuẩn bị và thực hiện dự án liên quan đến kỹ thuật điện, điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hóa học, kỹ thuật dược học, kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật an toàn, kỹ thuật dự án quản lý nhà nước; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (Không bao gồm khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa công trình)<br>Điều 47, 48, 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP | 7110(Chính) |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4299        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 9.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4293        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4291        |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4292        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN ANH TUẤN   | Thôn 10, Xã Vũ Đoài, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                               | Cổ phần phổ thông | 17.000     | 170.000.000           | 34,000    | 034086003645                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                           | Tổng số           | 17.000     | 170.000.000           | 34,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THẾ QUÂN | Khu 2, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                         | Cổ phần phổ thông | 16.500     | 165.000.000           | 33,000    | 038084012663                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                           | Tổng số           | 16.500     | 165.000.000           | 33,000    |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN ANH TIỆP   | Căn hộ 502-HH4A Linh Đàm, đường Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 16.500     | 165.000.000           | 33,000    | 025086000315                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                           | Tổng số           | 16.500     | 165.000.000           | 33,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034086003645

Ngày cấp: 11/04/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, Xã Vũ Đoài, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2724 HH1A Linh Đàm, đường Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội